

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

**8. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**9. Doanh thu và thu nhập khác****Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**10. Chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Chi phí đi vay vốn và các chi phí khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành áp dụng tại Công ty là 20%.

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

**13. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**14. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**15. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2021	01/01/2021
<b>Tiền</b>	<b>17.038.042.100</b>	<b>75.459.749</b>
Tiền mặt	65.799.427	65.799.427
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.972.242.673	9.660.322
<b>Cộng</b>	<b>17.038.042.100</b>	<b>75.459.749</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty Con</b>	-	-	<b>84.700.000.000</b>	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng khu Công nghiệp Sơn Mỹ (*)	-	-	84.700.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>84.700.000.000</b>	<b>-</b>

Theo Nghị quyết số 1/2021/NQ-HĐQT-ATG ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc thoái vốn và chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng Khu công nghiệp Sơn Mỹ (Ipico), cụ thể:

- Thoái vốn tại Ipico với số tiền là 47,5 tỷ đồng. Số tiền này sẽ được Ipico hoàn trả lại cho Công ty.
- Phần vốn góp còn lại là 37,2 tỷ đồng sẽ được chuyển nhượng cho Ông Lê Văn Huyền. Giá trị chuyển nhượng là 37,2 tỷ đồng.

**3. Phải thu của khách hàng**

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>16.595.518.636</b>	<b>(9.319.189.886)</b>	<b>16.595.518.636</b>	<b>(9.319.189.886)</b>
Công ty CP Alpha M.A.I Việt Nam	2.042.861.136	(2.042.861.136)	2.042.861.136	(2.042.861.136)
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân	14.552.657.500	(7.276.328.750)	14.552.657.500	(7.276.328.750)
<b>Cộng</b>	<b>16.595.518.636</b>	<b>(9.319.189.886)</b>	<b>16.595.518.636</b>	<b>(9.319.189.886)</b>

**4. Trả trước cho người bán**

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>427.000.000</b>	<b>(327.000.000)</b>	<b>427.000.000</b>	<b>(327.000.000)</b>
Công ty CP Tư vấn Quy hoạch Xây dựng và Hạ tầng Đô thị Hoàng An	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(200.000.000)
Các nhà cung cấp khác	227.000.000	(127.000.000)	227.000.000	(127.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>427.000.000</b>	<b>(327.000.000)</b>	<b>427.000.000</b>	<b>(327.000.000)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

5. Phải thu khác	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>77.699.352.273</b>	<b>(20.464.612.273)</b>	<b>23.000.352.273</b>	<b>(20.464.612.273)</b>
Ký cược, ký quỹ	330.740.000	-	330.740.000	-
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân	18.259.612.273	(18.259.612.273)	18.259.612.273	(18.259.612.273)
Công ty TNHH Đầu tư XD và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng KCN Sơn Mỹ (*)	3.000.000.000	(1.500.000.000)	3.000.000.000	(1.500.000.000)
Công ty TNHH Đầu tư XD và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng KCN Sơn Mỹ (**)	47.500.000.000	-	-	-
Ông Lê Văn Huyền (***)	7.200.000.000	-	-	-
Tạm ứng	1.409.000.000	(705.000.000)	1.410.000.000	(705.000.000)
<b>b. Dài hạn</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>
Cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng KCN Sơn Mỹ mượn (****)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>97.699.352.273</b>	<b>(20.464.612.273)</b>	<b>43.000.352.273</b>	<b>(20.464.612.273)</b>

(\*) Đây là khoản tiền Công ty thanh toán hộ cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng KCN Sơn Mỹ (Ipico) đến Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam liên quan đến dự án Khu công nghiệp Sơn Mỹ.

(\*\*) Phải thu liên quan đến việc thoái vốn tại Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng KCN Sơn Mỹ.

(\*\*\*) Phải thu liên quan đến chuyển nhượng phần vốn góp tại Ipico là 37,2 tỷ đồng cho Ông Lê Văn Huyền. Đến thời điểm 30/6/2021, Công ty đã nhận được 30 tỷ đồng và còn phải thu là 7,2 tỷ đồng.

(\*\*\*\*) Khoản tiền cho mượn theo hợp đồng ngày 15/8/2018. Mục đích mượn: phục vụ dự án khu công nghiệp Sơn Mỹ. Lãi suất là 0%/năm. Thời gian: 5 năm. Biện pháp bảo đảm: Tín chấp.

6. Tài sản dở dang dài hạn	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				
Dự án Thủy Sơn Trang (*)	36.870.197.869	-	36.870.197.869	-
<b>Cộng</b>	<b>36.870.197.869</b>	<b>-</b>	<b>36.870.197.869</b>	<b>-</b>

(\*) Đến thời điểm 30/6/2021, dự án Thủy Sơn Trang vẫn chưa được tiếp tục thi công, xây dựng. Nguyên nhân là do pháp lý dự án đang gặp vấn đề liên quan đến việc đền bù, giải phóng mặt bằng.

Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (lần 3) tổ chức ngày 20/4/2021, Công ty sẽ không tiếp tục đầu tư và tiến hành thu hồi vốn tại dự án này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	2.971.000.000	1.034.171.397	4.005.171.397
Số dư cuối kỳ	<b>2.971.000.000</b>	<b>1.034.171.397</b>	<b>4.005.171.397</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	1.811.544.323	1.034.171.397	2.845.715.720
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	66.784.417	-	66.784.417
Số dư cuối kỳ	<b>1.878.328.740</b>	<b>1.034.171.397</b>	<b>2.912.500.137</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	1.159.455.677	-	1.159.455.677
Số dư cuối kỳ	<b>1.092.671.260</b>	-	<b>1.092.671.260</b>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay: Không phát sinh.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.034.171.397 VND.

**8. Phải trả người bán**

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)
<b>Ngắn hạn</b>	<b>10.303.026.500</b>	<b>10.303.026.500</b>	<b>10.303.026.500</b>	<b>10.303.026.500</b>
Công ty TNHH Tường Thọ	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH TM và DV Hoàng Nhân Hiếu	8.303.026.500	8.303.026.500	8.303.026.500	8.303.026.500
<b>Cộng</b>	<b>10.303.026.500</b>	<b>10.303.026.500</b>	<b>10.303.026.500</b>	<b>10.303.026.500</b>

(\*) Các khoản phải trả người bán đều đã quá hạn thanh toán và số liệu được trình bày trên cơ sở cam kết trả nợ của Công ty và thể hiện sự quyết tâm của Công ty đối với nghĩa vụ thanh toán của mình.

**9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Phải nộp	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2021
	Thuế giá trị gia tăng	1.207.812.197	-	1.098.240.414
Thuế thu nhập doanh nghiệp	292.191.636	-	177.088.943	115.102.693
<b>Cộng</b>	<b>1.500.003.833</b>	-	<b>1.275.329.357</b>	<b>224.674.476</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

10. Phải trả khác	30/6/2021	01/01/2021
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	254.000.000	254.000.000
Lãi vay phải trả NH TMCP SHB - CN. Hà Đông	-	10.128.547.613
<b>Cộng</b>	<b>254.000.000</b>	<b>10.382.547.613</b>
<b>b. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
Lãi vay phải trả NH TMCP SHB - CN. Hà Đông	-	8.016.367.580
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>8.016.367.580</b>

11. Vay và nợ thuê tài chính	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>1.700.000.000</b>	<b>1.700.000.000</b>	<b>10.200.000.000</b>	<b>10.200.000.000</b>
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN. Hà Đông	-	-	500.000.000	500.000.000
(1) Ông Nguyễn Văn Trọng	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
(2) Ông Trương Ngọc Thanh	500.000.000	500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>b. Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN. Hà Đông	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.700.000.000</b>	<b>1.700.000.000</b>	<b>10.200.000.000</b>	<b>10.200.000.000</b>

(1) Khoản vay cá nhân Ông Nguyễn Văn Trọng

Hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
Số 090117/HĐ-ATA ngày 09/01/2017	Đến hết ngày 31/5/2019	0%/năm	1.200.000.000	1 triệu cổ phiếu của Công ty

(2) Khoản vay cá nhân Ông Trương Ngọc Thanh có hạn mức vay là 10 tỷ đồng. Mục đích vay: Hỗ trợ tình hình kinh doanh của Công ty. Thời hạn vay: 1 năm. Lãi suất vay tùy vào tình hình tài chính của Công ty. Biện pháp bảo đảm: Tín chấp. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 là 500 triệu đồng.

c. Số vay quá hạn chưa thanh toán	30/6/2021	01/01/2021
Ông Nguyễn Văn Trọng	1.200.000.000	1.200.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>

(\*) Số liệu trình bày trên cơ sở cam kết trả nợ của Công ty và thể hiện sự quyết tâm của Công ty đối với nghĩa vụ thanh toán của mình.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

**12. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2020	152.200.000.000	5.670.872.657	(22.817.233.923)	135.053.638.734
Lỗ	-	-	(1.184.022.787)	(1.184.022.787)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2020</b>	<b>152.200.000.000</b>	<b>5.670.872.657</b>	<b>(24.001.256.710)</b>	<b>133.869.615.947</b>
<b>Kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2021	152.200.000.000	5.670.872.657	(37.262.734.581)	120.608.138.076
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	6.798.674.904	6.798.674.904
<b>Số dư tại ngày 30/6/2021</b>	<b>152.200.000.000</b>	<b>5.670.872.657</b>	<b>(30.464.059.677)</b>	<b>127.406.812.980</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	30/06/2021	01/01/2021
Trương Đình Xuân	7,96%	12.119.290.000	12.119.290.000
Các cổ đông khác	92,04%	140.080.710.000	140.080.710.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>152.200.000.000</b>	<b>152.200.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.220.000	15.220.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.220.000	15.220.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.220.000</i>	<i>15.220.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.220.000	15.220.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.220.000</i>	<i>15.220.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

**d. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/6/2021	01/01/2021
Quỹ đầu tư phát triển	5.670.872.657	5.670.872.657
<b>Cộng</b>	<b>5.670.872.657</b>	<b>5.670.872.657</b>

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
<b>1. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi	4.014.055	570
<b>Cộng</b>	<b>4.014.055</b>	<b>570</b>
<b>2. Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	-	1.081.181.561
Chi phí tài chính khác	158.550	6.057.379
<b>Cộng</b>	<b>158.550</b>	<b>1.087.238.940</b>
<b>3. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí khấu hao TSCĐ	66.784.417	66.784.417
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	225.000.000	-
Chi phí bằng tiền khác	33.803.011	-
<b>Cộng</b>	<b>328.587.428</b>	<b>66.784.417</b>
<b>4. Thu nhập khác</b>		
Chi phí lãi vay được ngân hàng xóa nợ	7.128.547.613	-
<b>Cộng</b>	<b>7.128.547.613</b>	<b>-</b>
<b>5. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	66.784.417	66.784.417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	225.000.000	-
Chi phí khác bằng tiền	33.803.011	-
<b>Cộng</b>	<b>325.587.428</b>	<b>66.784.417</b>
<b>6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.798.674.904	(1.184.022.787)
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.798.674.904)	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	43.181.818	-
+ <i>Chi phí không hợp lý</i>	43.181.818	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.841.856.722)	-
+ <i>Chuyển lỗ từ các năm trước</i>	(6.841.856.722)	-
3. Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (1+2)	-	(1.184.022.787)
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
<b>6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)</b>		
5. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	-	-
<b>6. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<i>Nghĩa vụ của Công ty về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật, các văn bản dưới luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, nên số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cụ thể của cơ quan thuế.</i>		
	<b>6 tháng đầu năm 2021</b>	<b>6 tháng đầu năm 2020</b>
<b>7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.798.674.904	(1.184.022.787)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.798.674.904	(1.184.022.787)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.220.000	15.220.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>447</b>	<b>(78)</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>447</b>	<b>(78)</b>

**VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**1. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

**1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)****Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

**Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

**2. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định. Các khoản nợ quá hạn đã được Công ty trích lập dự phòng suy giảm giá trị.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**3. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
Các khoản vay và nợ	1.700.000.000	-	-	1.700.000.000
Phải trả người bán	10.303.026.500	-	-	10.303.026.500
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	254.000.000	-	-	254.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.257.026.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.257.026.500</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

**3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các khoản vay và nợ	10.200.000.000	-	-	10.200.000.000
Phải trả người bán	10.303.026.500	-	-	10.303.026.500
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	10.382.547.613	-	-	10.382.547.613
<b>Cộng</b>	<b>30.885.574.113</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.885.574.113</b>

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng 1.000.000 cổ phiếu của Công ty làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ cá nhân (Thuyết minh số V.11 - Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (Xem thuyết minh trang 28)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

1. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có.

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có.

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	11.008.970.143	-

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	19.508.970.143	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

**X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính quan trọng khác cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

**3. Giao dịch với các bên liên quan**

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong kỳ như sau

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ phải thu/(phải trả)
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân	Bên liên quan	Bán hàng	-	14.552.657.500
		Phải thu khác	-	18.259.612.273
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng KCN Sơn Mỹ	công ty Con (trước đây)	Phải thu khác	-	23.000.000.000
		Thu hồi vốn góp	47.500.000.000	47.500.000.000
Trương Đình Xuân	Chủ tịch HĐQT	Hoàn trả tạm ứng	1.000.000	1.409.000.000
Trương Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT	Vay	11.008.970.143	(500.000.000)

**Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận bất kỳ khoản lương, thưởng nào.

**4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, Công ty không phát sinh doanh thu, giá vốn và chi phí phát sinh các chi phí quản lý doanh nghiệp. Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận thấy không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cũng như báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**5. Thông tin về hoạt động liên tục**

Mặc dù hiện tại Công ty không còn hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng Công ty vẫn tiếp tục hoạt động liên tục ít nhất trên 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

**6. Vấn đề khác**

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa tổ chức đại hội cổ đông thường niên cho năm tài chính 2020.

Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty vẫn chưa tiến hành tổ chức công tác kiểm toán nội bộ theo Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 quy định về công tác kiểm toán nội bộ trong các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các doanh nghiệp.

Phụ trách kế toán kiêm người lập biểu



Trương Thanh Lệ

Quy Nhơn, ngày 12 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Thị Mai Xuân

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

**VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý		
	30/6/2021	31/12/2020	30/6/2021	31/12/2020	30/6/2021	31/12/2020
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Phải thu khách hàng	16.595.518.636	(9.319.189.886)	16.595.518.636	(9.319.189.886)	7.276.328.750	7.276.328.750
- Phải thu khác	96.290.352.273	(19.759.612.273)	41.590.352.273	(19.759.612.273)	76.530.740.000	21.830.740.000
- Tiền và các khoản tương đương tiền	17.038.042.100	-	75.459.749	-	17.038.042.100	75.459.749
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>129.923.913.009</b>	<b>(29.078.802.159)</b>	<b>58.261.330.658</b>	<b>(29.078.802.159)</b>	<b>100.845.110.850</b>	<b>29.182.528.499</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Vay và nợ	1.700.000.000	-	10.200.000.000	-	1.700.000.000	10.200.000.000
- Phải trả người bán	10.303.026.500	-	10.303.026.500	-	10.303.026.500	10.303.026.500
- Phải trả khác	254.000.000	-	10.382.547.613	-	254.000.000	10.382.547.613
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.257.026.500</b>	<b>-</b>	<b>30.885.574.113</b>	<b>-</b>	<b>12.257.026.500</b>	<b>30.885.574.113</b>

